

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày 24 tháng 7 năm 2020
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Chiến.

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện VKSND huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Vào ngày 24/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2019/TLST-DS ngày 17/12/2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16A/2020/QĐXXST-DS ngày 12/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-DS ngày 03/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam.

Địa chỉ: số ... H, HQ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc D. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số .. đường Nguyễn .., thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Quốc V – Chức vụ: Phó Giám đốc PGD B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Địa chỉ: Số .. đường Q, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 01 tháng 02 năm 2020)

- Bị đơn: Ông Y S Niê, sinh năm 1969 và bà H'R Êban, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đều vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị H' N Êban, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/9/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Hoàng Quốc V trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam có ký các Hợp đồng tín dụng với vợ chồng ông Y S Niê và bà H'R Êban, cụ thể như sau:

- Hợp đồng thứ nhất: Vào ngày 11/10/2017 ký Hợp đồng tín dụng số 01/2017/8516526/HĐTD cho ông Y S Niê và bà H'R Êban vay số tiền 420.000.000đồng, lãi suất vay trong hạn 11%/năm, mục đích vay hỗ trợ chi phí đầu tư, chăm sóc trồng cây cà phê, tiêu, thời hạn vay 60 tháng.

- Hợp đồng thứ hai: Vào ngày 26/11/2018 ký Hợp đồng tín dụng số 01/2018/8516526/HĐTD cho ông Y S Niê và bà H'R Êban vay số tiền 80.000.000đồng, lãi suất vay trong hạn 10,1%/năm, mục đích vay để sửa chữa nhà ở, thời hạn vay 11 tháng.

Để đảm bảo các khoản vay nói trên, vợ chồng ông Y S Niê và bà H'R Êban có thể chấp cho ngân hàng các tài sản sau đây:

- Quyền sử dụng đất của thửa đất số 14, tờ bản đồ số 84, diện tích 10.858m² tại: Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 270040, do UBND huyện K cấp ngày 24/12/2008 mang tên hộ ông Y S Niê và bà H'R Êban.

- Quyền sử dụng đất của thửa đất số 33, tờ bản đồ số 84, diện tích 6.203m² tại: Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 270039, do UBND huyện Krông Ana cấp ngày 24/12/2008 mang tên ông Y S Niê và bà H'R Êban.

- Quyền sử dụng đất của thửa đất số 83, tờ bản đồ số 67, diện tích 4.320m² tại: Buôn K 2, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 045256, do UBND huyện Krông Ana cấp ngày 15/11/2001 mang tên hộ Y S Niê.

- Quyền sử dụng đất của các thửa đất số 96, 87, 73, tờ bản đồ số 67, diện tích 13.300m² tại: Buôn K2, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 608682, do UBND huyện K cấp ngày 16/11/2001 mang tên hộ Y S Niê.

Quá trình vay, vợ chồng ông Y S Niê và bà H'R Êban không trả nợ cho ngân hàng. Ngân hàng đã đôn đốc khách hàng, áp dụng các biện pháp để thu hồi nợ nhưng vợ chồng ông Y S Niê và bà H'R Êban vẫn không chịu trả nợ cho ngân hàng.

Nay ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Y S Niê và bà H'R Êban

phải trả cho ngân hàng tổng số tiền 586.114.027 đồng, trong đó nợ gốc là 500.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 82.260.602 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.853.425 đồng (lãi tính đến ngày 24/7/2020), tiếp tục tính lãi kể từ ngày 25/7/2020 cho đến khi vợ chồng ông Y S Niê và bà H'R Êban trả hết nợ. Trường hợp vợ chồng ông Y S Niê và bà H'R Êban không trả nợ cho ngân hàng thì đề nghị xử lý toàn bộ tài sản thế chấp nói trên để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng yêu cầu ông Y S Niê và bà H'R Êban phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*).

Về án phí: Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông Y S Niê và bà H'R Êban phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập và hòa giải vụ án nhiều lần, tuy nhiên, bị đơn ông Y S Niê và bà H'R Êban, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H'N Êban vắng mặt, không có lý do.

Tại phiên tòa: Đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn cư trú tại huyện Krông Ana nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 BLTTDS. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 466 BLDS năm 2015 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Y S Niê và bà H'R Êban phải trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam tổng số tiền 586.114.027đồng, trong đó nợ gốc là 500.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 82.260.602đồng, nợ lãi quá hạn là 3.853.425 đồng (lãi tính đến ngày 24/7/2020), tiếp tục tính lãi kể từ ngày 25/7/2020 cho đến khi vợ chồng ông Y S Niê và bà H'R Êban trả hết nợ. Trường hợp ông Y S Niê và bà H'R Êban không trả nợ cho ngân hàng thì đề nghị xử lý toàn bộ tài sản thế chấp nói trên để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam cho bị đơn ông Y S Niê và bà H'R Êban vay tiền; Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật, HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn ông Y S Niê và bà H'R Êban, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H'N Êban đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, các chứng cứ các nguyên đơn giao nộp, lời khai các đương sự, có căn cứ xác định: Vào ngày 11/10/2017 Ngân hàng ký Hợp đồng tín dụng số 01/2017/8516526/HĐTD cho ông Y S Niê và bà H'R Êban vay số tiền 420.000.000đồng, lãi suất vay trong hạn 11%/năm, mục đích vay hỗ trợ chi phí đầu tư, chăm sóc trồng cây cà phê, tiêu, thời hạn vay 60 tháng. Hợp đồng thứ hai: Vào ngày 26/11/2018 Ngân hàng ký Hợp đồng tín dụng số 01/2018/8516526/HĐTD cho ông Y S Niê và bà H'R Êban vay số tiền 80.000.000đồng, lãi suất vay trong hạn 10,1%/năm, mục đích vay để sửa chữa nhà ở, thời hạn vay 11 tháng. Tính đến ngày 24/7/2020, vợ chồng ông Y S Niê và bà H'R Êban còn nợ ngân hàng: Nợ gốc: 500.000.000đ; nợ lãi: 86.114.027đ, tổng cộng cả gốc và lãi: 586.114.027đ (năm trăm tám mươi sáu triệu một trăm mười bốn nghìn không trăm hai mươi bảy đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Y S Niê và bà H'R Êban không trả nợ gốc và lãi đầy đủ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số nợ gốc còn lại là 500.000.000đ và tiền lãi phát sinh là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Về tiền lãi:

Hợp đồng thứ nhất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi của số tiền gốc 420.000.000đồng, tính đến ngày 24/7/2020 theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/8516526/HĐTD; Trong đó, lãi suất trong hạn là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 16,5%/năm là có căn cứ cần chấp nhận; cụ thể:

- Nợ lãi trong hạn: 70.882.191^d.

- Nợ lãi quá hạn: 864.932^d.

Tổng cộng: 71.747.123^d.

* Hợp đồng thứ hai: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi của số tiền gốc 80.000.000đ, tính đến ngày 24/7/2020, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/8516526/HĐTD; Trong đó, lãi suất trong hạn là 10,1%/năm, lãi suất quá hạn là 15,15%/năm là có căn cứ, cần chấp nhận; cụ thể:

Nợ lãi trong hạn: 11.378.411 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 2.988.493 đồng;

Tổng cộng: 14.366.904^d.

Tổng tiền lãi của hai hợp đồng tính đến ngày 24/7/2020 là 86.114.027đ.

Bị đơn ông Y S Niê và bà H'R Êban còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, kể từ ngày 25/7/2020 cho đến khi trả hết nợ.

[4] Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/8516526/HĐBĐ ngày 28/4/2016 đối với quyền sử dụng đất của thửa đất số 14, tờ bản đồ số 84, diện tích 10.858m² tại: Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 270040, do UBND huyện K cấp ngày 24/12/2008 mang tên hộ ông Y S Niê và bà H'R Êban; Quyền sử dụng đất của thửa đất số 33, tờ bản đồ số 84, diện tích 6.203m² tại: Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 270039, do UBND huyện Krông Ana cấp ngày 24/12/2008 mang tên ông Y S Niê và bà H'R Êban; Quyền sử dụng đất của thửa đất số 83, tờ bản đồ số 67, diện tích 4.320m² tại: Buôn K 2, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 045256, do UBND huyện K cấp ngày 15/11/2001 mang tên hộ Y S Niê; Quyền sử dụng đất của các thửa đất số 96, 87, 73, tờ bản đồ số 67, diện tích 13.300m² tại: Buôn K 2, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 608682, do UBND huyện K cấp ngày 16/11/2001 mang tên hộ Y S Niê với ngân hàng đã được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực. Trường hợp ông Y S Niê và bà H'R Êban không trả được khoản nợ trên, thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào Điều 158 Bộ luật tố tụng Dân sự, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Do đó, ông Y S Niê và bà H'R Êban phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam – chi nhánh D được nhận lại 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí thẩm định tài sản sau khi thu được của Y S Niê và bà H'R Êban.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn ông Y S Niê và bà H'R Êban phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam – chi nhánh Đắk Lắk không phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tổ tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam.

Buộc ông Y S Niê và bà H'R Êban phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam tổng số tiền 586.114.027 đồng (Năm trăm tám mươi sáu triệu một trăm mười bốn nghìn không trăm hai mươi bảy đồng). Trong đó, nợ gốc: 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 82.260.602 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.853.425 đồng).

Kể từ ngày 25/7/2020, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi ông Y S Niê và bà H'R Êban trả nợ xong, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam – chi nhánh Đắk Lắk có nghĩa vụ trả lại cho ông Y S Niê và bà H'R Êban:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 270040, do UBND huyện K cấp ngày 24/12/2008 mang tên hộ ông Y S Niê và bà H'R Êban.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 270039, do UBND huyện K cấp ngày 24/12/2008 mang tên ông Y S Niê và bà H'R Êban.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 045256, do UBND huyện K cấp ngày 15/11/2001 mang tên hộ Y S Niê.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 608682, do UBND huyện K cấp

ngày 16/11/2001 mang tên hộ Y S Niê.

Trường hợp ông Y S Niê và bà H'R Êban không trả được nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam – chi nhánh Đắk Lắk thì xử lý tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất của thửa đất số 14, tờ bản đồ số 84, diện tích 10.858m² tại: Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 270040, do UBND huyện K cấp ngày 24/12/2008 mang tên hộ ông Y S Niê và bà H'R Êban.

- Quyền sử dụng đất của thửa đất số 33, tờ bản đồ số 84, diện tích 6.203m² tại: Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 270039, do UBND huyện K cấp ngày 24/12/2008 mang tên ông Y S Niê và bà H'R Êban.

- Quyền sử dụng đất của thửa đất số 83, tờ bản đồ số 67, diện tích 4.320m² tại: Buôn K, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 045256, do UBND huyện K cấp ngày 15/11/2001 mang tên hộ Y S Niê.

- Quyền sử dụng đất của các thửa đất số 96, 87, 73, tờ bản đồ số 67, diện tích 13.300m² tại: Buôn K 2, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 608682, do UBND huyện K cấp ngày 16/11/2001 mang tên hộ Y S Niê.

[2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Y S Niê và bà H'R Êban phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đồng (ba triệu đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam – chi nhánh Đắk Lắk được nhận lại 3.000.000đồng tiền tạm ứng chi phí thẩm định tài sản sau khi thu được của ông Y S Niê và bà H'R Êban.

[3] Về án phí: Buộc ông Y S Niê và bà H'R Êban phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 27.444.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Việt Nam – chi nhánh Đắk Lắk địa chỉ: Số, thành phố B tỉnh Đắk Lắk số tiền 12.600.000đồng (*Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí, đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana theo biên lai số 0003669 ngày 17 tháng 12 năm 2019.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên